

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 08/2024/DS-ST
Ngày: 09-01-2024
V/v tranh chấp “Đòi lại tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Mai Văn Cười

+ Ông Lê Văn Minh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông:** Ông Trịnh Thanh Dũ – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 503/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 378/2023/QĐST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** NGUYỄN NGỌC H, sinh năm xxxx;

Địa chỉ: X, khu phố X, phường X, thị xã G, tỉnh T.

2. **Bị đơn:** NGUYỄN NGỌC TRANG T, sinh năm xxxx;

Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện G, tỉnh T.

(Ông H xin vắng mặt, chị T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày: Vào ngày 09/8/2014 (âm lịch) ông có cho chị Nguyễn Ngọc Trang T vay số tiền là 70.000.000 đồng, không có

thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay hai bên thỏa thuận miệng trong một thời gian ngắn nhất (cụ thể thỏa thuận miệng là 01 năm) chị T phải trả tiền cho ông. Khi vay tiền hai bên có làm biên nhận nợ ngày 09/8/2014 (âm lịch), biên nhận do chị T viết và ký tên vào biên nhận. Khi vay tiền chị T có thể chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00576 cấp ngày 02/12/2002 do Nguyễn Thanh Phong đứng tên. Nhưng đến ngày 21/8/2014 (âm lịch) chị T xin nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm công chuyện và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này không phải do chị T đứng tên nên ông đã trả lại giấy đất cho chị T và chị T có làm giấy viết tay mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 21/8/2014 (âm lịch). Khi đến hạn trả nợ ông có nhiều lần yêu cầu chị T trả tiền nhiều lần nhưng chị T không trả tiền cho ông như thỏa thuận. Sau đó, chị T có trả tiền cho ông làm nhiều lần, tính đến ngày 24/11/2020 (âm lịch) thì chị T trả cho ông được số tiền tổng cộng là 16.700.000 đồng. Nay ông yêu cầu chị T trả lại ông số vốn là 53.300.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 24/11/2020 (âm lịch) đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm (tiền lãi tạm tính đến ngày 04/10/2023 với số tiền là 23.630.000 đồng), trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Nguyễn Ngọc Trang T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị T nhưng chị T không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông H.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt và có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Ngọc Trang T trả lại số tiền 53.300.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Nguyễn Ngọc Trang T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông có ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2023 ông Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Ngọc Trang T trả lại số vốn là 53.300.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 24/11/2020 (âm lịch) đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm (tiền lãi tạm tính đến ngày 04/10/2023 với số tiền là 23.630.000 đồng) nên Tòa án thụ lý quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”. Quá trình giải quyết vụ án ông H trình bày cho chị T vay tiền vào ngày 09/8/2014 (âm lịch), thời hạn trả trong thời gian ngắn nhất (thỏa thuận miệng là 01 năm) thì thời hiệu khởi kiện đã hết nên ông H có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu đòi lại tài sản số tiền vốn là 53.300.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Bị đơn chị Nguyễn Ngọc Trang T trú tại khu ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

[2] Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Nguyễn Ngọc Trang T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, chị T theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, căn cứ vào quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không nhận định về thời hiệu.

[4] Tại phiên tòa, ông H có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu đòi lại tài sản số tiền vốn là 53.300.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông H là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận theo khoản 1 điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: ông H có cho chị T vay số tiền là 70.000.000 đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có dấu hiệu bị đe dọa hay ép buộc. Ông H đã giao đủ cho chị T số tiền 70.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình Hồ cung cấp “*BIÊN NHẬN*” ngày 09/8/2014 (âm lịch) do chị T viết và ký tên người nhận tiền trong biên nhận. Do đó, có đủ cơ sở xác định ông H có cho chị T vay tiền. Khi đến hạn trả tiền là 01 năm nhưng chị T không trả tiền cho ông H, sau đó chị T nhiều lần trả tiền cho ông H và hiện chị T còn nợ ông H số tiền 53.300.000 đồng. Mặt khác, kể từ ngày Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị T không có văn bản ý kiến phản đối đối với yêu cầu, chứng cứ do ông H đưa ra nên ông H không phải chứng minh gì khác theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị T trả lại số tiền 53.300.000 (Năm mươi ba triệu ba trăm nghìn) đồng và không yêu cầu trả tiền lãi là có căn cứ,

phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 166, 274, 275, 280, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và buộc chị T trả cho ông H số tiền 53.300.000 (Năm mươi ba triệu ba trăm nghìn) đồng.

[6] Về thời gian trả: ông H yêu cầu trả khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của ông H là có cơ sở vì số tiền này chị T để quá lâu đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H nên cần buộc chị T trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00576 cấp ngày 02/12/2002 do Nguyễn Thanh Phong đứng tên mà chị T thế chấp cho ông H khi vay tiền. Chị T đã nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chị T có làm giấy viết tay mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 21/8/2014 (âm lịch) nên Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này và không đưa anh Nguyễn Thanh Phong tham gia tố tụng.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát

[9] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 166, 274, 275, 280, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: [1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc H.

Buộc chị Nguyễn Ngọc Trang T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Ngọc H số tiền **53.300.000 (Năm mươi ba triệu ba trăm nghìn) đồng**. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng chị T còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh tiền chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc Trang T phải chịu **2.665.000 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Ngọc H **1.922.500 đồng** tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0029024 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Nguyễn